CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision

INPACT MEMBER

Local Expertise
International Presence

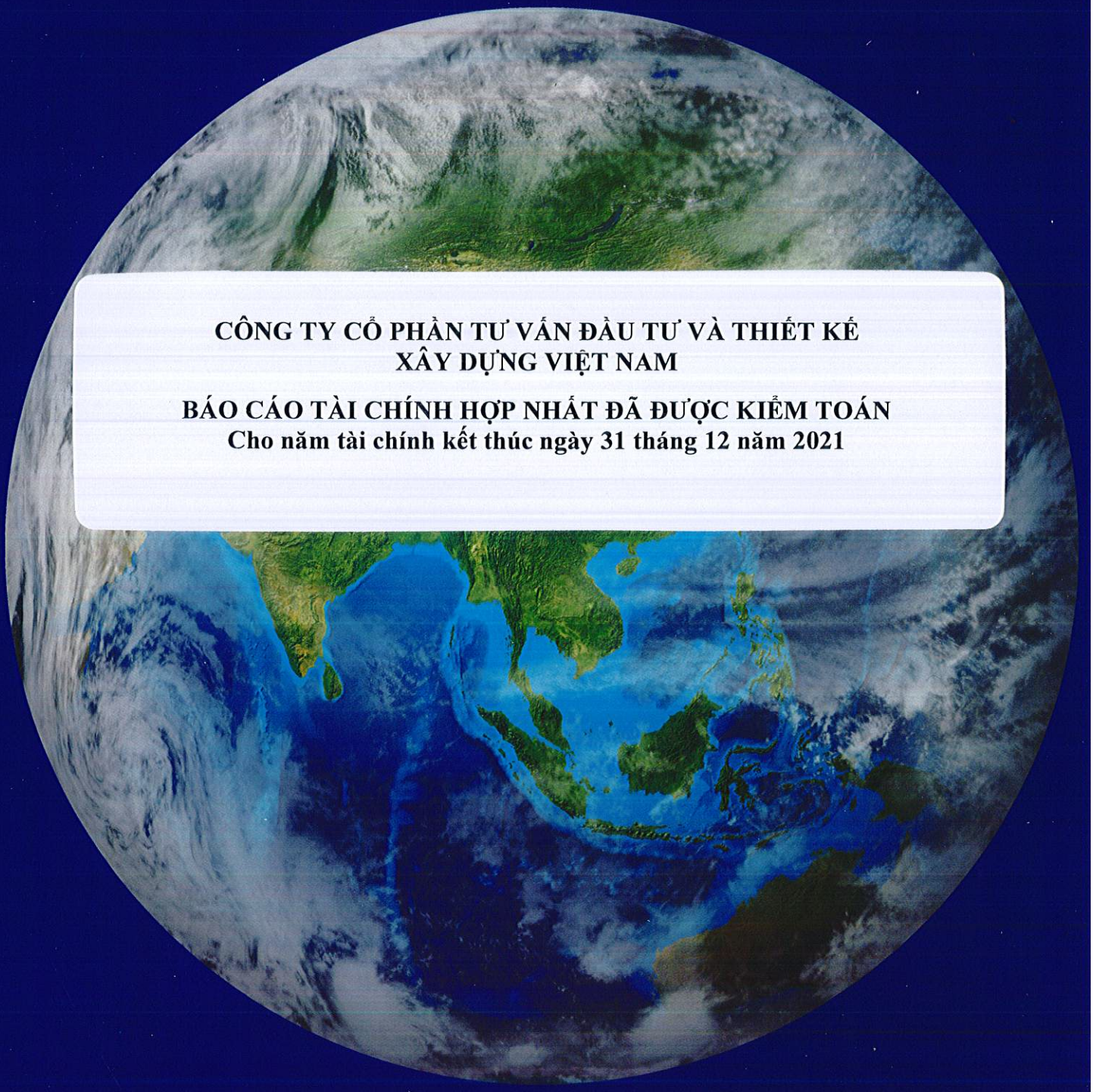

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpavietnam.vn
www.cpavietnam.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hà Nội - Tháng 02 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng - Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi cổ phần hóa theo các Quyết định số 1307/QĐ-BXD ngày 18 tháng 09 năm 2006; Quyết định số 1631/QĐ-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2006 và Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2007, cấp lại mã số doanh nghiệp số 0100106112, thay đổi lần thứ năm (05) ngày 30 tháng 5 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 (năm) là 8.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ tám trăm triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà CIC-CDC, Số 37 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Bình Trọng	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên
Bà Võ Thanh Hà	Ủy viên
Ông Lý Xuân Trung	Ủy viên
Ông Sử Mạnh Hà	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Nguyên Hoa	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Bà Công Thị Chung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Sử Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất .

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất . Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100106112 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

CPAVIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 89/2022/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông,**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa	**Nguyễn Thị Tiến**
Giám đốc Kiểm toán	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

Giấy Ủy quyền số: 21/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

		MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**105.796.840.030**	**74.421.234.644**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**32.098.950.827**	**25.409.999.520**
1.	Tiền	111		14.098.950.827	8.409.999.520
2.	Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	17.000.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	5.2	**34.000.000.000**	**18.800.000.000**
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.000.000.000	18.800.000.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**22.814.605.785**	**21.894.855.919**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	24.933.079.051	23.813.314.053
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		515.222.250	536.144.906
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.925.088.967	830.824.517
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.558.784.483)	(3.285.427.557)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**16.633.819.574**	**7.989.064.519**
1.	Hàng tồn kho	141	5.5	16.633.819.574	7.989.064.519
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**249.463.844**	**327.314.686**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	-	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	171.770.389
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	249.463.844	155.544.297
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**3.850.076.986**	**4.126.227.567**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**247.662.000**	**220.762.000**
6.	Phải thu dài hạn khác	216		247.662.000	220.762.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**1.509.992.033**	**2.275.995.259**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.472.917.865	1.845.715.931
	- Nguyên giá	*222*		*9.057.255.280*	*8.857.457.098*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(7.584.337.415)*	*(7.011.741.167)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.8	37.074.168	430.279.328
	- Nguyên giá	*228*		*2.176.224.016*	*2.176.224.016*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(2.139.149.848)*	*(1.745.944.688)*
V.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**375.000.000**	**375.000.000**
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.9	375.000.000	375.000.000
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**1.717.422.953**	**1.254.470.308**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.717.422.953	1.254.470.308
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		**270**		**109.646.917.016**	**78.547.462.211**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

		MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**81.893.254.929**	**51.821.101.929**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**81.773.254.929**	**51.701.101.929**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.220.478.349	1.142.053.060
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	52.009.497.005	37.377.483.671
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	542.073.308	217.473.471
4.	Phải trả người lao động	314		9.589.944.196	6.340.549.309
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	13.753.037.242	1.598.524.194
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	4.962.402.999	5.159.167.970
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.14	(304.178.170)	(134.149.746)
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**120.000.000**	**120.000.000**
7.	Phải trả dài hạn khác	337	5.13	120.000.000	120.000.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**27.753.662.087**	**26.726.360.282**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.15**	**27.753.662.087**	**26.726.360.282**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.800.000.000	8.800.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*8.800.000.000*	*8.800.000.000*
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		13.512.657.765	13.512.657.765
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		132.232.228	132.232.228
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.308.772.094	4.281.470.289
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*41.655.070*	-
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*5.267.117.024*	*4.281.470.289*
II-	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**109.646.917.016**	**78.547.462.211**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Văn Đức	Đỗ Mạnh Hùng	Trần Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	135.206.612.188	119.807.084.348
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	135.206.612.188	119.807.084.348
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	100.768.654.939	89.653.545.145
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**34.437.957.249**	**30.153.539.203**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.396.273.148	2.058.710.620
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	15.766.299	21.679.685
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	29.984.309.929	25.001.540.640
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**5.834.154.169**	**7.189.029.498**
11.	Thu nhập khác	31	6.6	907.103.240	320.604.141
12.	Chi phí khác	32	6.6	560.900	920.643.891
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**906.542.340**	**(600.039.750)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**6.740.696.509**	**6.588.989.748**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.345.237.367	2.246.006.157
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**5.395.459.142**	**4.342.983.591**
19.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		-	-
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	5.985,36	2.526,24

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Văn Đức	Đỗ Mạnh Hùng	Trần Tuấn Anh

M.S.D.N: 0100106112 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. *Lợi nhuận trước thuế*	**01**		**6.740.696.509**	**6.588.989.748**
2. *Điều chỉnh cho các khoản*				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		965.801.408	522.286.198
- Các khoản dự phòng	03		1.273.356.926	(739.202.391)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		14.043.564	1.178.560
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.396.273.148)	(2.058.710.620)
3. *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	**08**		**7.597.625.259**	**4.314.541.495**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.262.155.950)	(1.054.288.019)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.644.755.055)	(5.714.483.944)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		30.088.833.516	3.086.737.394
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(462.952.645)	120.948.840
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.191.889.459)	(2.334.420.420)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.418.265.761)	(2.646.570.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**23.706.439.905**	**(4.227.535.093)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(199.798.182)	(206.598.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	196.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(15.200.000.000)	22.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.396.273.148	1.862.346.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(14.003.525.034)**	**10.852.112.438**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.119.815.219)	(2.034.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(5.119.815.219)**	**(2.034.560.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**4.583.099.652**	**4.590.017.345**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**25.409.999.520**	**20.821.160.735**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.043.564)	(1.178.560)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**29.979.055.608**	**25.409.999.520**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Văn Đức	Đỗ Mạnh Hùng	Trần Tuấn Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty Tư vấn thiết kế Xây dựng - Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi cổ phần hóa theo các Quyết định số 1307/QĐ-BXD ngày 18 tháng 09 năm 2006; Quyết định số 1631/QĐ-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2006 và Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2007, cấp lại mã số doanh nghiệp số 0100106112, thay đổi lần thứ năm (05) ngày 30 tháng 5 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 (năm) là 8.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ tám trăm triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà CIC-CDC, số 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lao động tại ngày 31/12/2021 là 283 người (tại ngày 31/12/2020 là 302 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn đầu tư xây dựng (lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, đấu thầu) công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 35KV; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Kiểm định, kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng;
- Thiết kế và thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu;
- Quản lý dự án, giám sát kỹ thuật xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tổng thầu tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu chức năng đô thị và khu công nghiệp;
- Khảo sát địa hình và khảo sát địa chất đo đạc các công trình xây dựng;
- Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và bảo vệ môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Tư vấn đầu tư xây dựng.

Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty con của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam. Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam được thành lập và hoạt động giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305753791. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 là 2.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh, doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 2
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 3
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 2
- Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Quản lý dự án và Giám sát xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế nước và Hạ tầng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế cấp thoát nước
- Trung tâm Tư vấn kinh tế xây dựng

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có Công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam..

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam, các Công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,…): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2021.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ(-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ (tư vấn thiết kế, cho thuê nhà)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là tư vấn thiết kế công trình xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.288.569.192	289.563.133
Tiền gửi ngân hàng	12.810.381.635	8.120.436.387
Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000	17.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	*18.000.000.000*	*17.000.000.000*
Tổng	**32.098.950.827**	**25.409.999.520**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	**34.000.000.000**	**34.000.000.000**	**18.800.000.000**	**18.800.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn	34.000.000.000	34.000.000.000	18.800.000.000	18.800.000.000
Tổng	**34.000.000.000**	**34.000.000.000**	**18.800.000.000**	**18.800.000.000**

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**24.933.079.051**	**23.813.314.053**
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng & Giao thông	1.284.925.000	1.284.925.000
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội	-	1.564.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thành phố	-	1.734.375.403
Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A	-	1.687.500.000
Phải thu các khách hàng khác	23.648.154.051	17.542.513.650
Tổng	**24.933.079.051**	**23.813.314.053**

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**1.925.088.967**	-	**830.824.517**	-
- Tạm ứng	1.003.503.934	-	2.223.933	-
- Tạm ứng cổ tức năm 2021 cho Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	448.800.000	-	-	-
- Tạm ứng cổ tức năm 2021 cho các cổ đông khác	431.200.000	-	-	-
- Phải thu khác	41.585.033	-	828.600.584	-
Tổng	**1.925.088.967**	-	**830.824.517**	-
Trong đó:				
Phải thu khác là các bên liên quan	***448.800.000***		-	

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.633.819.574	-	7.989.064.519	-
Tổng	**16.633.819.574**	-	**7.989.064.519**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dài hạn	**1.717.422.953**	**1.254.470.308**
Công cụ dụng cụ	1.348.009.643	612.678.812
Chi phí khác	-	75.878.186
Chi phí đề án nâng cao năng lực thiết kế	369.413.310	565.913.310
Tổng	**1.717.422.953**	**1.254.470.308**

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	**3.546.300.174**	**1.779.991.228**	**3.531.165.696**	**8.857.457.098**
Tăng trong năm	-	**199.798.182**	-	**199.798.182**
Mua trong năm	-	199.798.182	-	199.798.182
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	**3.546.300.174**	**1.979.789.410**	**3.531.165.696**	**9.057.255.280**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2021	**2.605.475.729**	**1.437.615.403**	**2.968.650.035**	**7.011.741.167**
Tăng trong năm	**118.210.006**	**256.148.839**	**265.159.559**	**639.518.404**
Khấu hao trong năm	118.210.006	256.148.839	198.237.403	572.596.248
Phân loại lại	-		66.922.156	66.922.156
Giảm trong năm	-	**66.922.156**	-	**66.922.156**
Phân loại lại	-	66.922.156	-	66.922.156
Số dư tại 31/12/2021	**2.723.685.735**	**1.626.842.086**	**3.233.809.594**	**7.584.337.415**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2021	**940.824.445**	**342.375.825**	**562.515.661**	**1.845.715.931**
Tại 31/12/2021	**822.614.439**	**352.947.324**	**297.356.102**	**1.472.917.865**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.838.720.834 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 2.838.720.834 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	**2.176.224.016**	**2.176.224.016**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	**2.176.224.016**	**2.176.224.016**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	**1.745.944.688**	**1.745.944.688**
Tăng trong năm	**393.205.160**	**393.205.160**
Khấu hao trong năm	393.205.160	393.205.160
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	**2.139.149.848**	**2.139.149.848**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	**430.279.328**	**430.279.328**
Tại 31/12/2021	**37.074.168**	**37.074.168**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.849.529.016 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 898.484.916 đồng).

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	**375.000.000**		-	**375.000.000**		-
Công ty Cổ phần Lilamaland	375.000.000		-	375.000.000		-
Tổng	**375.000.000**	**(*)**	-	**375.000.000**	**(*)**	-

(*): Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được thông tin tài chính, Báo cáo tài chính cũng như các bằng chứng thích hợp khác về giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính các Công ty khác mà Công ty đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**52.009.497.005**	**37.377.483.671**
Trường Đại học PheniKa	1.095.829.424	3.294.000.000
Bệnh viện đa khoa Y Cao	5.775.000.000	5.775.000.000
Đài Truyền hình Việt Nam	-	1.918.929.725
Tổng Cục Chính trị - Bộ Quốc phòng	3.429.391.200	-
Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Kyocera Việt Nam	3.737.766.000	-
Ứng trước của các khách hàng khác	33.971.510.381	26.389.553.946
Tổng	**52.009.497.005**	**37.377.483.671**

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	**217.473.471**	**11.835.208.345**	**11.510.608.508**	**542.073.308**
Thuế giá trị gia tăng	105.950.387	9.244.733.943	9.242.474.776	108.209.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp	81.865.581	1.345.237.367	1.191.889.459	235.213.489
Thuế thu nhập cá nhân	29.657.503	1.241.233.720	1.072.240.958	198.650.265
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.315	3.315	-
Phải thu	**155.544.297**	**155.544.297**	**249.463.844**	**249.463.844**
Thuế giá trị gia tăng	-		249.463.844	249.463.844
Thuế thu nhập cá nhân	155.544.297	155.544.297	-	-

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**13.753.037.242**	**1.598.524.194**
Trích trước chi phí khoán hợp đồng còn phải trả các Xí nghiệp, Trung tâm nhận khoán	13.753.037.242	1.598.524.194
Tổng	**13.753.037.242**	**1.598.524.194**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**4.962.402.999**	**5.159.167.970**
Kinh phí công đoàn	-	72.959.924
Bảo hiểm xã hội	698.027.659	716.625.796
Bảo hiểm thất nghiệp	41.729.454	69.991.800
Phải trả, phải nộp khác	4.222.645.886	4.299.590.450
- Chi phí giao khoán phải trả các Xí nghiệp, Trung tâm của Công ty và các Nhà thầu phụ, các Nhà cung cấp dịch vụ	*3.008.145.886*	*3.926.916.211*
- Chi phí giải thưởng phải trả	*1.200.000.000*	-
- Khác	*14.500.000*	372.674.239
Dài hạn	**120.000.000**	**120.000.000**
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	120.000.000	120.000.000
Tổng	**5.082.402.999**	**5.279.167.970**

5.14 Quỹ khen thưởng phúc lợi

Nội dung	01/01/2021 VND	Trích trong năm VND	Chi trong năm VND	31/12/2021 VND
Quỹ khen thưởng	420.444.606		343.800.000	76.644.606
Quỹ phúc lợi (*)	(554.594.352)	2.036.246.576	1.862.475.000	(380.822.776)
Quỹ khen thưởng Ban Quản lý Công ty	-	211.990.761	211.990.761	-
Tổng	**(134.149.746)**	**2.248.237.337**	**2.418.265.761**	**(304.178.170)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	**8.800.000.000**	**13.512.657.765**	**132.232.228**	**42.833.630**	**22.487.723.623**
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.342.983.591	4.342.983.591
Chuyển số dư cổ tức chưa chi hết theo Nghị quyết ĐHĐCĐ về LNST	-	-	-	627.515	627.515
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(104.974.447)	(104.974.447)
Số dư tại 31/12/2020	**8.800.000.000**	**13.512.657.765**	**132.232.228**	**4.281.470.289**	**26.726.360.282**
Số dư tại 01/01/2021	**8.800.000.000**	**13.512.657.765**	**132.232.228**	**4.281.470.289**	**26.726.360.282**
Lãi trong năm	-	-	-	5.395.459.142	**5.395.459.142**
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ *(*)*	-	-	-	(2.119.895.219)	(2.119.895.219)
Trích lập các quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(128.342.118)	(128.342.118)
Chia trả cổ tức *(*)*	-	-	-	(2.119.920.000)	(2.119.920.000)
Số dư tại 31/12/2021	**8.800.000.000**	**13.512.657.765**	**132.232.228**	**5.308.772.094**	**27.753.662.087**

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 15/04/2021 của Công ty, theo đó chi trả cổ tức bằng tiền 2.119.920.000 đồng, phân phối Quỹ khen thưởng phúc lợi 1.907.904.458 đồng và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành là 211.990.761 đồng.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	4.488.000.000	4.488.000.000
Các cổ đông khác	4.312.000.000	4.312.000.000
Tổng	**8.800.000.000**	**8.800.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	8.800.000.000	8.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	8.800.000.000	8.800.000.000
Cổ tức	2.119.920.000	-
Phân phối quỹ	128.342.118	104.974.447

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**880.000**	**880.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**880.000**	**880.000**
Cổ phiếu phổ thông	880.000	880.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**880.000**	**880.000**
Cổ phiếu phổ thông	880.000	880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Số dư Ngoại tệ

	31/12/2021 USD	01/01/2021 USD
Tiền mặt	7.763,73	7.763,00
Tiền gửi ngân hàng	30.711,36	6.650,36
Tổng	**38.475,09**	**14.413,36**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	135.206.612.188	119.507.084.349
Doanh thu bán hàng hóa	-	299.999.999
Tổng	**135.206.612.188**	**119.807.084.348**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	100.768.654.939	89.653.545.145
Tổng	**100.768.654.939**	**89.653.545.145**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.396.273.148	2.058.710.620
Tổng	**1.396.273.148**	**2.058.710.620**

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.722.735	20.501.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.043.564	1.178.560
Tổng	**15.766.299**	**21.679.685**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý	**29.984.309.929**	**25.001.540.640**
Chi phí nhân viên quản lý	16.026.775.963	14.339.050.087
Chi phí vật liệu quản lý	796.097.218	1.186.961.921
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.745.283.553	1.088.917.449
Chi phí khấu hao TSCĐ	650.599.685	662.198.774
Thuế phí và lệ phí	17.666.234	17.058.199
Chi phí dự phòng	1.273.356.926	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.209.125.709	2.511.771.489
Chi phí bằng tiền khác	8.265.404.641	5.934.785.112
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(739.202.391)
Tổng	**29.984.309.929**	**25.001.540.640**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	196.363.636
Nhận tài trợ giải Golf	-	25.000.000
Giải thưởng nhận được	800.000.000	-
Thu nhập khác	107.103.240	99.240.505
Tổng	**907.103.240**	**320.604.141**
Chi phí khác		
Chi phí tổ chức giải Golf	-	20.000.000
Chi phí vi phạm hợp đồng kinh tế	-	136.043.823
Phạt thuế và chậm nộp	3.315	660.344.458
Chi phí khác	557.585	104.255.610
Tổng	**560.900**	**920.643.891**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**906.542.340**	**(600.039.750)**

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.740.696.509	6.588.989.748
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	76.446.879	889.032.306
+ Phạt thuế và chậm nộp	*3.315*	*822.732.306*
+ Thu nhập HĐTV không điều hành	*62.400.000*	*66.300.000*
+ Lỗ do đánh giá lại số dư tiền gốc ngoại tệ	14.043.564	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	***6.817.143.388***	***7.478.022.054***
Thuế TNDN phải nộp	1.363.428.678	1.495.604.411
Giảm 30% thuế TNDN theo chính sách Nhà nước hỗ trợ Covid - 19	18.191.311	448.681.323
Thuế TNDN bị truy thu các năm trước	-	1.265.519.406
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**1.345.237.367**	**2.312.442.495**
Trong đó:		
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty	1.345.237.367	2.246.006.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu bên thứ 3	-	66.436.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**5.395.459.142**	**4.342.983.591**
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
(Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	128.342.118	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**5.267.117.024**	**4.342.983.591**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	880.000	880.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**5.985,36**	**4.935,21**

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty mẹ chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 trình bày lại do trong năm 2021 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, theo đó phân phối Quỹ khen thưởng phúc lợi 1.907.904.458 đồng và Quỹ thưởng Ban Điều hành là 211.990.761 đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm 2020 từ 4.935,21 VND/cổ phiếu xuống còn 2.526,24 VND/cổ phiếu.
Cụ thể như sau:

	Năm 2020 VND (Trình bày lại)	Năm 2020 VND (Đã trình bày)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.342.983.591	4.342.983.591
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	*2.119.895.219*	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.223.088.372	4.342.983.591
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	880.000	880.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**2.526,24**	**4.935,21**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.399.386.675	10.876.545.308
Chi phí nhân công	72.152.119.186	66.134.206.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	965.801.408	558.213.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.159.505.452	29.905.106.798
Chi phí khác bằng tiền	15.749.423.885	11.413.350.937
Chi phí dự phòng	1.273.356.926	(739.202.391)
Tổng	**142.699.593.532**	**118.148.220.155**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thành viên HĐQT và Ban điều hành, BKS	Lương, Thu nhập bổ sung và thù lao	4.620.584.946	4.496.813.845

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khác		**448.800.000**	-
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	Tạm ứng cổ tức	448.800.000	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Văn Đức	Đỗ Mạnh Hùng	Trần Tuấn Anh